

目から鱗！これがニッポンの当たり前？

Mở mang tầm mắt! Đó là điều đương nhiên ở Nhật?

努力上手は愛され上手！？

努力する姿勢を大切にす国「ニッポン」

Giỏi nỗ lực được yêu thương!?

“Nippon” quốc gia rất coi trọng sự nỗ lực

皆さんは、努力することは得意ですか？毎日、仕事に日本語の勉強に、一生懸命打ち込んでいるでしょうか？日本語には、「努力は人を裏切らない」「塵も積もれば山となる」「継続は力なり」という努力にまつわる言葉がたくさんあるように、なにごとにおいても日本人は努力をすることを美徳としています。実際日本の会社では、「業績」や「能力」の他に、仕事に取り組む「姿勢」という項目を社員の評価基準として取り入れているところもあるくらいです。

今月は、そういう考えが根付いたきっかけを見て、学びにつなげていきましょう！

Các bạn có giỏi trong việc nỗ lực cố gắng không ạ? Hàng ngày, chắc các bạn rất cố gắng trong cả công việc và học tiếng Nhật phải không ạ? Trong tiếng Nhật có rất nhiều câu nói tới sự nỗ lực như là “nỗ lực không phản bội ai”, “hạt bụi nhỏ nếu ta gom chất lại cũng sẽ thành núi”, hay “sự liên tục thực hiện sẽ trở thành nguồn lực”, với điều gì cũng vậy người Nhật luôn coi sự nỗ lực cố gắng là đạo đức đẹp.

Thực tế trong xã hội Nhật, tiêu chí đánh giá nhân viên ngoài các nội dung “thành tích công việc” và “năng lực” thì còn có mục “tư thế (cách thức, thái độ)” làm việc.

Tháng này, việc xem nguồn gốc lý do nào mà có suy nghĩ như vậy để chúng ta cùng học hỏi nhé!

【外国人から見た、日本人のイメージとは？】

“Hình tượng người Nhật qua cái nhìn của người nước ngoài?”

日本人は、外国人からどう思われているのでしょうか？外国人に聞くと、「真面目」や「勤勉」と回答する人がとても多いようです。また、「簡単に物事をあきらめず、我慢強い性格である」ことも、外国人が持つ日本人のイメージのひとつといわれています。

そういわれるようになった理由というのが、日本で一昔前のドラマやアニメであった「スポ根」と呼ばれるジャンルがブレイクしたことで、日本人の考え方に頑張るといって「根性精神」が根付いたからともいえます。

「スポ根」とは「スポーツ」と「根性」を合わせた言葉で、主人公がひたむきにスポーツに取り組み、仲間と共に様々な壁を乗り越えるために努力し成長していくというのが主なストーリーです。主人公と自らの境遇を重ね合わせて共感をする日本人がとても多く、今でも日本ではスポーツに限らず「主人公が様々な障害を乗り越えて、成長していく」という物語の作品が、ジャンルを問わず大人気です。

日本人にとって、いかに「努力は美德」だということが、よくわかる事例ですね。

Người nước ngoài suy nghĩ như thế nào về người Nhật ạ? Khi hỏi người nước ngoài, thì rất nhiều người trả lời rằng, người Nhật “nghiêm túc” và “chăm chỉ làm việc”. Hơn nữa, người nước ngoài có ấn tượng về người Nhật còn là “không bỏ cuộc dễ dàng và tính cách kiên nhẫn chịu đựng rất giỏi”.

Lý do có những suy nghĩ như vậy có thể từ phim truyện hay hoạt hình của Nhật từ trước tới giờ, người ta gọi thể loại đó là “スポ根” tức là từ kết hợp “thể thao” và “sự quyết tâm” chủ yếu là qua các câu chuyện có nội dung như các nhân vật chính thường chơi thể thao trưởng thành cùng với nỗ lực cố gắng hết sức cùng đồng đội vượt qua mọi khó khăn thử thách. Rất nhiều người Nhật đồng cảm với những nhân vật chính này và môi trường hoàn cảnh của họ, bây giờ cũng vậy không chỉ với các tác phẩm về thể thao mà thể loại nào cũng vậy “nhân vật chính, nỗ lực vượt qua mọi trở ngại để trưởng thành lên” đều rất được ưa chuộng. Với người Nhật trên hết “nỗ lực là đạo đức đẹp” được hiểu qua ví dụ trên phải không ạ.

【努力を評価する日本の会社】 “Nỗ lực được xã hội Nhật đánh giá”

他の国と比べて「一つの会社で定年まで働く」といった社会人が多くいる点にも、日本人が「簡単に物事を投げ出さずに、最後までやり遂げる」国民性であることが伝わってきます。

日本の会社の入社試験では、学生時代やこれまでの職歴において、何を頑張ってきたか、結果を出すためにどんな努力をしたのか、という努力の過程を非常に重視する傾向にあります。

その為、1つの会社の勤続年数があまりにも短かったり、努力したエピソードを何も語れない人というのは、どんなに仕事が出来たとしても「うちに来ても頑張ってくれないかもしれない」「すぐ辞めるのではないか」と思われ印象が良くないものです。

So với các nước khác thì một điểm mà nhiều người làm công “làm việc cho một công ty cho tới tận khi về hưu” có thể nói là đặc tính quốc dân của Nhật “không bao giờ bỏ dở đơn giản việc gì mà luôn làm cho tới cùng”. Trong xã hội Nhật khi thi tuyển dụng vào công ty cũng vậy, có thể thấy người ta khá coi trọng nỗ lực của người đó như: từ thời sinh viên tới những kinh nghiệm công việc, người đó đã cố gắng những gì, đã nỗ lực để có được những kết quả như thế nào.

Do đó, nếu chỉ làm việc ở một công ty nào đó rất ngắn hay không kể được những nỗ lực đã trải qua trong công việc thì có thể sẽ bị ấn tượng không tốt như dù làm được những công việc gì thì “đến làm cho công ty mình có thể họ không cố gắng” hay “có thể sẽ bỏ việc sớm”.

【努力は態度で示そう】 “Nỗ lực là thể hiện thái độ”

さて、皆さんは今何を頑張っているでしょうか？もちろん、皆さん「仕事」や「日本語の勉強」と答えると思います。しかしどれだけ頑張っていると口で言っても、行動で示していないとなかなかわかってもらえないものです。

例えば仕事であれば積極的にわからないことを先輩や上司に聞きに行く、勉強であれば自ら日本人スタッフと会話練習をしに行く、などの努力が目に見えていれば、皆さんの評価も上がるかもしれません。

Vậy, các bạn đã cố gắng những gì ạ? Dĩ nhiên, tôi nghĩ các bạn có thể trả lời là “cố gắng trong công việc”, “cố gắng học tiếng Nhật”. Nhưng dù nói là cố gắng hết sức đến đâu đi nữa nếu không có hành động cụ thể thì khó cho người ta hiểu mình được.

Ví dụ trong công việc thì em rất tích cực, khi không hiểu gì em hỏi senpai hay cấp trên, về học tập thì em tự học và luyện tập hội thoại với đồng nghiệp người Nhật, là những nỗ lực mà người ta có thể nhìn thấy, sẽ có thể có đánh giá cao về bạn.

【おわりに】 Kết thúc

いかがでしたか？日本人は、多少不器用でも真面目に一生懸命頑張っている人が大好きです。「努力は必ず報われる」「為せば成る、為さねば成らぬ何事も」という言葉

のとおり、このまま頑張っていればいつかは必ず報われると信じて、今月も仕事に勉強に、頑張らしましょう！

Các bạn thấy thế nào ạ? Với người Nhật, dù có chút ít không giỏi nhưng chăm chỉ và nỗ lực cố gắng hết sức thường rất được quý. Đúng theo như câu nói “nỗ lực sẽ được đền đáp” “điều gì cũng vậy ở đâu có ý chí thì ở đó sẽ có thành công” tức là người ta tin rằng cứ cố gắng hết sức thì khi nào đó sẽ chắc chắn được đền đáp, tháng này cũng vậy, các bạn hãy cố gắng làm việc và học tập nhé.

来へつなげる大切なヒント

Gợi ý quan trọng dẫn tới tương lai

仕事で「失敗」「ミス」をしてしまったときの対応・謝罪の仕方

Cách xử lý và nhận lỗi khi làm việc “thất bại” hay “lỗi”

まずは、ミスを自覚し、すぐに謝る。Trước hết ta cần biết lỗi đó và nhận lỗi ngay

自分のミスで問題が発生したときは、言い訳をしたい気持ちもありますが、まずはすぐに謝りましょう。すぐに謝罪することで、相手に反省していることが伝わり、大きなトラブルに発展することを防ぐことができます。

具体的にどんなミスやトラブルが起こったかを伝えることも重要です。

また、同じ失敗を繰り返さないために、「なぜ」そのような失敗が起こってしまったかを振り返ることも重要です。

Do lỗi của mình mà gây ra các vấn đề sau đó, thì chúng ta biết là ai cũng muốn đưa ra các lý do biện bạch, nhưng trước hết thì ta nên xin lỗi đã. Việc xin lỗi sẽ trước nhất là truyền tải cho đối phương biết sự nhìn nhận của mình và sẽ phòng tránh được việc gây ra những rắc rối lớn.

Cụ thể là việc truyền đạt lỗi và sai sót đã xảy ra như thế nào, rất quan trọng. Hơn nữa, để không lặp lại lỗi tương tự như vậy thì việc nhìn lại xem lại “vì sao” lại xảy ra lỗi đó cũng rất quan trọng.

謝罪をすることで信頼の回復につながります。自分に非があるにも関わらず、非を認めず謝罪することができなければ、人間関係を悪化させる原因となります。自分だけが原因ではない場合も「〇〇さんも悪いです」というのではなく、自分自身がまずは謝罪することで、真摯に反省をすることができる人だ、ということが伝わるでしょう。

Việc xin lỗi sẽ kết nối với việc phục hồi sự tin tưởng. Trước hết, không cần biết lỗi ở mình hay không, việc không nhận lỗi không xin lỗi sẽ là nguyên nhân làm xấu đi quan hệ với mọi người.

Khi không chỉ do mình là nguyên nhân thì cũng không nên nói “ 〇〇 san cũng là người gây lỗi”, mà trước hết mình xin lỗi sẽ thể hiện rằng mình là người có thể nhìn nhận vấn đề nghiêm túc và muốn cải thiện nó.

仕事で失敗やミスをしてしまったときの対応 Cách xử trí khi gây lỗi hay làm hỏng

皆さんは、「失敗」や「ミス」という言葉に対して、どんなイメージを持っていますか？仕事で失敗やミスをしたことはありますか？仕事をしていれば、大小関わらず、誰もが何かしら失敗をしたという経験はあると思います。そんなとき、皆さんはどうしていますか？日本では、「失敗は成功のもと」ということわざがあるように、「失敗」から学んでいこう、という考え方があります。今月は仕事で失敗やミスをしてしまったときの対応や謝罪の仕方について学んでいきましょう。

Các bạn đối với từ “thất bại” và “lỗi” có ấn tượng gì không ạ? Các bạn có từng làm việc mà thất bại, sai lầm không ạ? Khi ta làm việc thì không kể nhỏ to gì, ai cũng vậy có những kinh nghiệm làm sai, hỏng việc gì đó. Khi đó thì các bạn thường làm gì tiếp ạ? Ở Nhật đúng như câu tục ngữ “Thất bại là nguồn gốc của thành công” người ta nghĩ từ việc có thể học từ “thất bại”. Tháng này chúng ta cùng học về cách thức xử lý hay nhận lỗi nếu thất bại hay làm sai nhé.

謝罪をするときの注意点 Một số chú ý khi nhận lỗi

心から謝る Nhận lỗi thực sự từ trong lòng

心から謝らないと、それは必ず態度や視線に表れます。「謝っているつもり」では、相手を納得させるどころか、よけいに怒らせてしまいます。

Nếu không thực lòng xin lỗi thì nó sẽ thể hiện ra ở ánh mắt và thái độ. Nếu làm như “có ý muốn xin lỗi” thì không chỉ là không thuyết phục được đối phương mà còn gây thêm việc người ta tức giận.

表情に注意する CHÚ Ý VIỆC THỂ HIỆN

Misをしたときに一番してはいけないこと、それは、ヘラヘラと笑って誤魔化すことです。泣く必要はありませんが、せっかく反省をしてもヘラヘラと笑っているとそれが相手に伝わらなくなってしまいます。

Khi làm lỗi thì việc đầu tiên không được phép làm là cười nhe nhớn sẽ làm cho sự việc thêm tệ hơn đi. Cũng không phải khóc, nhưng vừa tỏ thái độ hối lỗi mà lại cười thì không thể truyền đạt tốt cho đối phương được.

簡単に泣かない KHÔNG NÊN DỄ DÀNG KHÓC

感情を素直に表すのは悪いことではありませんが、「泣けば済むと思っている」という評価をされてしまい、精神的に弱く、子どもっぽい印象を持たれてしまう可能性があります。

Việc cảm tính được thể hiện ngay ra cũng không có gì là xấu cả nhưng có thể sẽ bị đánh giá là “ngĩ là khóc sẽ xong chuyện sao”, và có thể gây ra ấn tượng là mình tinh thần yếu đuối và trẻ con.

言い訳から始めない KHÔNG BẮT ĐẦU TỪ VIỆC BIỆN MINH

いきなり言い訳から始めると、相手への印象は良くありません。まずは、自分のミスを素直に認め、真摯に謝罪の気持ちを伝えてください。

Từ đầu mà ngay lập tức đi biện minh thì sẽ gây ấn tượng không tốt cho đối phương. Trước hết nên thành thật nhận lỗi của mình và hãy thể hiện với tấm lòng nhìn nhận vấn đề nghiêm túc và muốn cải thiện nó.

言葉遣いに気を付ける CHÚ Ý CÁCH DÙNG TỪ NGỮ

プライベートな場では、「ごめんなさい」や「すみません」が一般的ですが、仕事の場面では「申し訳ございません」「大変失礼致しました」の方が適切です。

Ở nơi liên quan đến cá nhân thì ta có thể đơn giản chỉ nói “ごめんなさい” hay “すみません” nhưng ở nơi làm việc thì ta nên dùng “申し訳ございません” hay “大変失礼致しました” cho phù hợp

まとめ Tóm tắt

「失敗」はもちろん良いことではありませんが、失敗を真摯に反省し、次から同じ失敗を繰り返さないことで成長のチャンスにもなります。

“Làm sai” thì không hề tốt gì cả, nhưng việc nhìn nhận sai lầm nghiêm túc và mong muốn cải thiện để không xảy ra lỗi như vậy lần nữa cũng là cơ hội giúp ta trưởng thành.

失敗をしてしまったときは、「言い訳」をするのではなく、誠意を持って謝ることで、相手にも反省の気持ちが伝わります。自分にも非があり、ミスをしてしまったときは、今回学んだことを活かし、誠意を込めて謝り、同じ失敗を繰り返さないように振り返ってみましょう。

Khi đã làm sai mất rồi thì ta không “biện minh”, xin lỗi với thành ý sẽ truyền đạt được tới đối phương việc nhìn nhận sai lầm của mình. Khi mình làm nhầm, sai hay có thiệt hại gì thì hãy học qua bài lần này, ta hãy xin lỗi với thành ý, và không lặp lại lỗi như vậy nữa nhé.

何よりも安全最優先

Hơn bất cứ điều gì

AN TOÀN ưu tiên hàng đầu!

安全の大切さに気付く

Coi trọng sự an toàn

～元気に働けることは幸せなこと～

～ Khỏe mạnh làm việc là điều hạnh phúc ~

今月は、事故を起こした際の責任、事故の予防ステップ、そして安全の大切さについて考えてみましょう。

Tháng này, chúng ta cùng suy nghĩ về trách nhiệm khi xảy ra tai nạn, các bước phòng tránh tai nạn và hiểu về sự quan trọng của an toàn nhé.

①事故を起こしてしまったときの「4つの責任」

①“4 trách nhiệm”

khi chẳng may xảy ra tai nạn

事故は誰にでも起こりうるものですが、その後の影響は計り知れないものとなる場合があります。

Tai nạn là việc có thể xảy ra với bất kỳ ai, nhưng chúng ta không thể tính được những ảnh hưởng sau đó.

①刑事上の責任

Trách nhiệm về hình sự

事故によって人が傷ついたり、亡くなったりした場合、刑事上の責任を問われることがあります。これには懲役や罰金といった罰則を伴います。

Do tai nạn mà gây ra thương tích cho người, hay thương vong, thì có thể phải chịu trách nhiệm hình sự. Điều này là phải chịu hình phạt như vào tù hay phạt tiền.

②行政上の責任

Trách nhiệm về hành chính

法令や規則を遵守していない場合、営業停止などの行政上の措置を受ける恐れがあります。

Nếu không tuân thủ luật pháp hay quy tắc, thì có thể bị áp dụng các biện pháp phạt hành chính như ngừng hoạt động kinh doanh.

③民事上の責任

Trách nhiệm dân sự

事故の被害者やその家族から損害賠償を請求されることがあります。

Có khi phải bồi thường thiệt hại cho nạn nhân và gia đình nạn nhân gặp phải tai nạn.

④社会的な責任

Trách nhiệm xã hội

重大な事故を起こすと、企業や個人の信用が低下することが予想されます。

Có thể dự đoán khi xảy ra tai nạn lớn thì sẽ bị giảm hay mất đi sự tin tưởng dành cho công ty và cá nhân.

②事故を防ぐための3つのステップ ②Ba bước phòng tránh tai nạn

安全に作業するための基本は以下の3点です。

Sau đây là 3 bước cơ bản để làm việc an toàn.

①安全意識を高める

①Nâng cao ý thức an toàn

作業時は常に安全第一を心がけ、ルールや作業手順を遵守することが何より大切です。分からないことは必ず指導員に確認しましょう。十分理解できないときは「分かりました」と言うてはいけません。

Luôn luôn chú ý làm việc với tinh thần an toàn là số 1, việc tuân thủ thứ tự thao tác và nguyên tắc làm việc là điều quan trọng trên hết. Khi không hiểu rõ thì không được nói “em đã hiểu”.

②日本語力を高める

②Nâng cao trình độ tiếng Nhật

日本語力の向上も重要です。特に、安全に関わる言葉や口語、そして、表示や標識を正しく理解することで、多くの危険を回避できます。

Việc nâng cao trình độ tiếng Nhật rất quan trọng. Đặc biệt là việc học những từ ngữ hay khẩu ngữ liên quan tới an toàn, và hiểu đúng chỉ thị và biển hiệu có thể tránh nhiều nguy hiểm.

③事故を予防する

③Phòng tránh tai nạn

常に保護具や作業着を正しく着用してください。また、心と体のコンディションを確認することも大切です。そして、その日の作業で「何が危険か」を確認してから作業を始めてください。

Hãy luôn trang bị và mặc đúng đồ bảo hộ lao động, đồ phục lao động. Hơn nữa, việc kiểm tra tình trạng sức khỏe và tinh thần cũng rất quan trọng. Các bạn hãy kiểm tra “cái gì là nguy hiểm” trong ngày làm hôm đó để thực hiện công việc nhé.

③ 日々元気に働けることは幸せなこと

③ Hàng ngày làm việc khỏe mạnh là điều hạnh phúc

私たちは大きな事故を経験して初めて「安全の大切さ」を痛感します。「もっと安全に注意しておけば良かった」と後悔するのです。そして、日々、元気に仕事ができることが、いかに幸せなことかに気づくのです。

「無事故で仕事をする事」は、皆さんの身体的な安全を守り、家族や親しい人々に安心感をもたらし、そして、企業の信頼を高めています。

Chúng ta đều biết rằng khi trải qua tai nạn lớn ta mới hiểu được “tầm quan trọng của an toàn”. Và khi đó ta ân hận rằng “nếu chú ý an toàn hơn thì thật tốt”. Và, hàng ngày ta nhận ra rằng khỏe mạnh để làm việc thật là điều hạnh phúc biết bao.

Việc “làm việc không tai nạn” để bảo vệ an toàn cho thân thể mọi người, để giữ niềm an tâm cho gia đình và người thân, cũng là để nâng cao sự tin tưởng của công ty.

重大事故ゼロを実現してください。

Các bạn hãy làm việc với KHÔNG tai nạn lớn nhé.

実習生の皆さんへ Các bạn TTS thân mến

自分のために、家族のために、絶対に事故を起こさないでください。

Vì bản thân và gia đình, hãy tuyệt đối không gây tai nạn nhé